

SỰ HÀI LÒNG CỦA HỘ NÔNG DÂN HÀ NỘI VỀ SẢN PHẨM LÚA GIỐNG TBR225

Chu Thị Kim Loan^{1*}, Trần Minh Châu²

¹*Khoa Kế toán và Quản trị kinh doanh, Học viện Nông nghiệp Việt Nam*

²*Công ty Cổ Phần Tập Đoàn Thai Binh Seed*

*Tác giả liên hệ: ctkloan@vnua.edu.vn

Ngày nhận bài: 16.02.2022

Ngày chấp nhận đăng: 18.04.2023

TÓM TẮT

Bài báo nhằm phân tích mức độ hài lòng của hộ nông dân trên địa bàn thành phố Hà Nội đối với sản phẩm lúa giống TBR225. Dữ liệu sơ cấp được thu thập qua phỏng vấn 300 hộ nông dân năm 2022. Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả, kiểm định T-test và ANOVA để phân tích dữ liệu. Kết quả điều tra cho thấy sự hài lòng của hộ nông dân về lúa giống TBR225 ở mức rất cao (4,34/5 điểm). Nhiều yếu tố tạo nên sự hài lòng chung của nông hộ được đánh giá ở mức điểm cao từ 3,41 đến 4,24; đặc biệt là các chỉ tiêu về chất lượng lúa giống. Một vài chỉ tiêu có điểm ở mức trung bình, cần được cải thiện như: tính dễ phân hủy hay tái sử dụng của bao gói (3,01), chương trình khuyến mại (3,12), tính ổn định của giá (2,88). Kiểm định cho thấy có sự khác biệt về mức điểm hài lòng bình quân ($P < 0,05$) giữa một số nhóm hộ. Cụ thể, nhóm nông hộ ở huyện Thanh Oai, sử dụng trên 2/3 diện tích lúa gieo cấy giống TBR225, hay sử dụng giống TBR225 để gieo cấy từ 2 đến 3 vụ có điểm bình quân cao hơn nhóm còn lại.

Từ khóa: Sự hài lòng, lúa giống TBR225, hộ nông dân, Hà Nội.

Satisfaction with TBR225 Rice Variety of Farm Households in Hanoi City

ABSTRACT

The objective of the paper was to analyze the satisfaction level of farm households in Hanoi city with TBR225 rice variety. The primary data were collected from a survey of 300 farm households in 2022. The study employed analytical methods of descriptive statistics, T-test and ANOVA. The survey results shows that the satisfaction of the surveyed farmers with TBR225 variety was very high (4.34/5 points). Many factors contributing to the general satisfaction of the farmers were assessed at high scores of 3.41-4.24, especially the indicators of the variety quality. Some indicators had average scores that should be improved such as degradability or reuse of the packages (3.01), the promotional programs (3.12), and stability of the price (2.88). The test shows that there was significant difference in the average satisfaction scores between groups of the farm households. Specifically, the group of farmers in Thanh Oai district, the households with more than two-thirds of the rice cultivated area under TBR225 variety, or adopting TBR225 variety cultivation from two to three crops, had a higher average score than the remaining group.

Keywords: Satisfaction, TBR225 rice variety, farm households, Hanoi city.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hà Nội là một trong những địa phương có diện tích lúa lớn của Việt Nam, với diện tích gieo trồng lúa hàng năm khoảng 160.000ha. Những năm gần đây, UBND thành phố Hà Nội chỉ đạo đẩy mạnh thử nghiệm, khảo nghiệm đưa vào sản xuất những giống lúa mới năng suất cao và chất lượng tốt, từ đó hình thành vùng trồng

lúa trọng điểm. Trong quá trình thực hiện, giống lúa TBR225 đã khẳng định ưu thế và được lựa chọn đưa vào cơ cấu giống lúa hỗ trợ của thành phố. Nhờ vậy, Hà Nội trở thành một trong những tỉnh thành ở Việt Nam có mức tiêu thụ lúa giống TBR225 cao nhất với 481,5 tấn ở năm 2021 (Thai Binh Seed, 2021). Theo báo cáo của Sở NN&PTNT thành phố Hà Nội, năm 2021 tổng diện tích sử dụng giống lúa TBR225 trên

địa bàn Hà Nội lên tới 25.000ha; tuy nhiên mới chiếm khoảng 15% tổng diện tích gieo trồng lúa của thành phố. Hiện nay, giống lúa TBR225 đã được các huyện ở thành phố Hà Nội đưa vào cơ cấu giống chủ lực. Điều này ngụ ý công ty cung ứng lúa giống TBR225 có tiềm năng thị trường lớn ở địa bàn Hà Nội.

TBR225 là giống lúa thuần thuộc bản quyền của Công ty Cổ phần Tập đoàn ThaiBinh Seed (gọi tắt là ThaiBinh Seed) và được công nhận giống Quốc gia năm 2015 (ThaiBinh Seed, 2021). Từ năm 2013 đến 2014, công ty đã tiến hành sản xuất thử giống TBR225 ở nhiều vùng sinh thái khác nhau như Đồng bằng sông Hồng, miền núi phía Bắc, Bắc Trung bộ và miền Trung Tây Nguyên. Ở tất cả địa điểm sản xuất thử, giống lúa TBR225 đều được nông dân chấp nhận mở rộng diện tích gieo cấy vào các vụ sau đó. So với những giống lúa thuần khác thuộc bản quyền của công ty như BC15 và TBR97, TBR225 là giống lúa được công nhận giống Quốc gia gần đây hơn và đã khẳng định được ưu thế trong sản xuất nên ThaiBinh Seed chú trọng phát triển thị trường. Tỷ trọng lúa giống TBR225 tiêu thụ trong năm 2021 của ThaiBinh Seed - Chi nhánh Hà Nội lên tới 43,1% tổng sản lượng lúa giống hay 42,2% tổng doanh thu (ThaiBinh Seed - Chi nhánh Hà Nội, 2021). Hiện nay, ThaiBinh Seed có 13 chi nhánh và đơn vị thành viên trên toàn quốc, trong đó có 2 nhà máy chế biến hạt giống chất lượng cao. Thông qua mô hình liên kết sản xuất và bao tiêu sản phẩm, hàng năm công ty thu mua cho nông dân khoảng 30.000 tấn giống nguyên liệu và lương thực. Do vậy, tiêu thụ sản phẩm, đặc biệt là lúa giống sau thu mua là vấn đề rất quan trọng đối với Công ty.

Trong bối cảnh cạnh tranh gay gắt hiện nay, để có thể tồn tại và phát triển, các doanh nghiệp nói chung và ThaiBinh Seed nói riêng cần quan tâm tới sự hài lòng của khách hàng. Hanzae & Nasimi (2012) cho rằng việc thỏa mãn khách hàng, làm hài lòng khách hàng là một hoạt động quan trọng và cần thiết; sự thất bại hay thành công của doanh nghiệp được xác định dựa trên sự hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm và dịch vụ mà đơn vị đó cung cấp.

Tiến hành nghiên cứu sẽ giúp cho doanh nghiệp hiểu hơn về khách hàng của mình, những gì họ hài lòng hoặc chưa hài lòng; qua đó có giải pháp để nâng cao sự thỏa mãn, tạo dựng lòng trung thành của khách hàng. Hiện nay, các nghiên cứu về sự hài lòng của khách hàng được thực hiện khá nhiều, nhất là hài lòng về chất lượng dịch vụ (Seth & cs., 2008); tuy nhiên rất ít nghiên cứu về sự hài lòng của hộ nông dân đối với lúa giống. Một số ít nghiên cứu liên quan đến chủ đề được tìm kiếm như sự hài lòng của nông dân về các giống lúa cải tiến do Siliphouthone & cs. (2012) thực hiện, sự hài lòng khách hàng đối với sản phẩm dinh dưỡng cây trồng Tiến Nông của Lê Quang Hiếu (2022).

Xuất phát từ những vấn đề trên, là cán bộ quản lý tại Chi nhánh Hà Nội của ThaiBinh Seed, chúng tôi thực hiện nghiên cứu này với mục tiêu đánh giá mức độ hài lòng của hộ nông dân trên địa bàn thành phố Hà Nội về sản phẩm lúa giống TBR225, từ đó đề xuất một số khuyến nghị với ThaiBinh Seed nhằm nâng cao sự hài lòng của hộ nông dân đối với sản phẩm lúa giống này, góp phần gia tăng mức tiêu thụ lúa giống TBR225.

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Một số cơ sở lý thuyết và thực tiễn nghiên cứu

Đo lường sự hài lòng của khách hàng đã được các nhà nghiên cứu thực hiện một cách có hệ thống trong nhiều năm qua. Trong đó phải kể đến một số mô hình nổi bật ở thế kỷ XX như: Mô hình các thuộc tính sản phẩm của Kano (1984), mô hình SERVQUAL (Parasuraman & cs., 1988), mô hình SERVPERF (Cronin & Taylor, 1992). Mô hình Kano có thể được sử dụng để xác định và phân loại các thuộc tính chất lượng dựa trên những tác động của chúng tới sự thỏa mãn của khách hàng, còn mô hình SERVQUAL và SERVPERF thường được áp dụng để đo lường sự hài lòng của khách hàng về chất lượng dịch vụ với 5 thành phần cơ bản là: độ tin cậy, khả năng đáp ứng, năng lực phục vụ, sự đồng cảm và phương tiện hữu hình.

Trong nghiên cứu của Siliphouthone & cs. (2012), nông dân được yêu cầu thể hiện mức độ

hài lòng về giống lúa cải tiến mà họ sử dụng nhiều nhất trên đồng ruộng dựa trên đặc điểm hạt giống (hình dạng và kích cỡ, hạt nảy mầm), đặc tính nông học (khả năng đẻ nhánh, chiều cao cây, kháng sâu bệnh,...), sau thu hoạch (trọng lượng hạt, năng suất,...) và chất lượng gạo khi nấu và ăn (độ mềm, mùi thơm). Ở Việt Nam, nghiên cứu về sự hài lòng của khách hàng với sản phẩm phân bón dinh dưỡng cho cây mía, Lê Quang Hiếu (2021) sử dụng 5 tiêu chí - đó là sự tin cậy, sự đáp ứng, năng lực phục vụ, chất lượng sản phẩm và giá cả. Trong nghiên cứu của Zhuang (2015) về sự hài lòng của nông hộ với chính sách trợ cấp giống cây trồng, tác giả sử dụng các biến số gồm: chất lượng giống, dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp, chính sách trợ cấp giống cây cải tiến và hiệu ứng quảng bá; trong đó chất lượng giống được dựa trên các chỉ tiêu như năng suất, sức chống chịu và giá bán giống. Các nghiên cứu này đều sử dụng thang đo Likert 5 mức độ để đo lường mức độ hài lòng của những đối tượng phỏng vấn.

Kế thừa những kết quả nghiên cứu trước đây, chúng tôi sử dụng các tiêu chí về chất lượng giống, dịch vụ chăm sóc khách hàng và giá bán để đánh giá mức độ hài lòng của hộ nông dân đối với sản phẩm lúa giống TBR225. Trong đó, số câu hỏi cho mỗi tiêu chí này lần lượt là 11, 4 và 4. Bên cạnh đó, bao gói lúa giống cũng là nội dung được hộ nông dân quan tâm vì nó ảnh hưởng đến khả năng bảo quản hạt giống và cung cấp thông tin hướng dẫn sử dụng. Do vậy, nó được đưa vào trong nghiên cứu này với các câu hỏi liên quan tới 4 yêu cầu cơ bản của bao gói (được viết tắt thành VIEW) là rõ ràng, thông tin, ấn tượng và khả dụng. Ngoài ra, một câu hỏi liên quan đến vấn đề môi trường của bao gói được bổ sung nhằm gắn với xu hướng phát triển xanh hiện nay.

2.2. Thu thập số liệu

Phần lớn kết quả nghiên cứu được dựa trên số liệu điều tra vào tháng 7 và 8 năm 2022 với đối tượng điều tra là những hộ nông dân đã sử dụng lúa giống TBR225. Nội dung điều tra tập trung vào hai vấn đề chính: những thông tin chung về hộ và ý kiến đánh giá của chủ hộ về các nhận định liên quan đến lúa giống TBR225.

Thang đo Likert 5 mức độ được sử dụng để đo lường mức độ đồng ý của khách hàng với các nhận định, trong đó quy ước 1 là rất không đồng ý đến 5 là rất đồng ý.

Cỡ mẫu (n) được xác định theo công thức của Cochran (1977):

$$n = Z^2 \times \frac{p \times (1 - p)}{e^2}$$

Trong đó, Z là giá trị tiêu chuẩn dựa vào độ tin cậy lựa chọn; p là tỷ lệ mẫu dự kiến được chọn; e là sai số cho phép. Thông thường, độ tin cậy được sử dụng ở mức 95% tương ứng với Z = 1,96; p = 0,5 để tích số p × (1 - p) là lớn nhất; sai số cho phép được chọn ở mức 1-10%. Trong nghiên cứu này, các thông số được chọn là Z = 1,96; p = 0,5 và e = 6%, từ đó cỡ mẫu tối thiểu n = 267. Vì vậy, chúng tôi tiến hành điều tra 300 hộ nông dân.

Hiện nay, giống lúa TBR225 được triển khai sử dụng vào sản xuất lúa tại các huyện của thành phố Hà Nội, trong đó những huyện sử dụng nhiều nhất như Ba Vì, Chương Mỹ, Đông Anh, Thường Tín, Thanh Oai và Sóc Sơn. Do hạn chế về thời gian và kinh phí nên chúng tôi lựa chọn thu thập số liệu tại 3 huyện có diện tích sử dụng lúa giống TBR225 lớn và đang áp dụng mô hình phát triển sản xuất mạ khay - đó là Đông Anh, Thanh Oai và Ba Vì. Sau đó, tại mỗi huyện, 2 xã với tiêu chí tương tự được chọn ra làm điểm nghiên cứu. Theo đó, các xã: Liên Hà, Dục Tú (Đông Anh); Dân Hoà, Hồng Dương (Thanh Oai); Vật Lại và Tòng Bạt (Ba Vì) được lựa chọn. Do không có sự khác biệt lớn giữa các xã về số hộ gieo cấy giống TBR 225 nên ở mỗi xã, 50 hộ nông dân đã sử dụng lúa giống TBR225 được chọn để phỏng vấn theo phương pháp lấy mẫu ngẫu nhiên đơn giản. Các nông hộ được phỏng vấn trực tiếp dựa trên bộ câu hỏi hoàn thiện. Bên cạnh số liệu sơ cấp, một số thông tin thứ cấp cũng được thu thập từ chi nhánh của Thaibinh Seed, tạp chí và website.

2.2. Phân tích số liệu

2.2.1. Phương pháp cho điểm

Nghiên cứu sử dụng thang đo Likert để xem xét ý kiến của các hộ nông dân trên địa bàn Hà

Nội đối với lúa giống TBR225. Sau khi hộ nông dân đánh giá bằng cách lựa chọn mức điểm từ 1 đến 5, điểm trung bình của mỗi chỉ tiêu được tính toán và kết luận. Ý nghĩa của từng khoảng giá trị trung bình đối với thang đo Likert 5 mức độ được thể hiện qua bảng 1.

2.2.2. Thống kê mô tả

Số liệu sau khi thu thập được phân tổ theo các tiêu thức khác nhau; thể hiện qua các bảng, biểu đồ với số tuyệt đối, tương đối và bình quân. Sau đó, chúng được mô tả và diễn giải nhằm làm rõ vấn đề nghiên cứu.

Bảng 1. Ý nghĩa của giá trị trung bình đối với thang đo Likert 5 mức độ

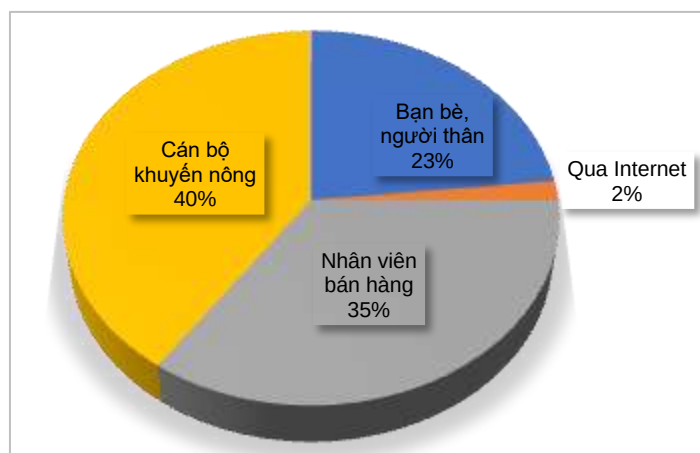
Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1,00-1,80	Rất không đồng ý/Rất không hài lòng/Rất không quan trọng
1,81-2,60	Không đồng ý/Không hài lòng/Không quan trọng
2,61-3,40	Không ý kiến/Trung lập/Trung bình
3,41-4,20	Đồng ý/ Hài lòng/Quan trọng
4,21-5,00	Rất đồng ý/Rất hài lòng/Rất quan trọng

Nguồn: *HotroSPSS (2015)*.

Bảng 2. Một số thông tin cơ bản của hộ điều tra

Chỉ tiêu	ĐVT	Ba Vì	Đông Anh	Thanh Oai	Tính chung
Trình độ của chủ hộ					
Cao đẳng, đại học	%	1	3	19	7,67
THPT	%	26	24	35	28,33
THCS	%	38	61	29	42,67
Tiểu học	%	35	12	17	21,33
Số nhân khẩu	người/hộ	4,60 (0,94)	4,41 (1,33)	4,51 (1,89)	4,51 (1,44)
Số lao động	người/hộ	2,66 (0,84)	2,78 (0,83)	3,44 (1,59)	2,96 (1,19)
Diện tích đất lúa	m ² /hộ	2.329,15 (873,47)	1.918,29 (763,37)	1.819,1 (2281,36)	2.022,18 (1489,21)

Chú thích: Số liệu trong ngoặc đơn là độ lệch chuẩn.



Hình 1. Tỷ lệ hộ nông dân điều tra biết đến giống lúa TBR225 qua các kênh thông tin (2022)

2.2.3. Thống kê so sánh

Phương pháp T-test, phân tích phương sai một nhân tố (one-way ANOVA) và phân tích sâu ANOVA (post-hoc test ANOVA) được sử dụng nhằm kiểm định sự khác biệt về mức độ hài lòng giữa các nhóm hộ nông dân theo một số tiêu thức như tỷ lệ diện tích lúa sử dụng giống TBR225, số vụ gieo cấy dùng giống lúa TBR225 từ năm 2019 đến thời điểm điều tra, và địa bàn điều tra.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm cơ bản của hộ nông dân điều tra

Kết quả điều tra cho thấy trình độ học vấn của các chủ hộ nông dân chủ yếu là trung học cơ sở và trung học phổ thông (Bảng 2), đáng chú ý là vẫn có tới 21,3% tổng số chủ hộ điều tra có trình độ tiểu học. Bình quân, một hộ nông dân có 4,5 nhân khẩu, 2,96 lao động và 2.022,18m² đất trồng lúa; trong đó hộ ở huyện Thanh Oai có số lao động bình quân cao nhất (3,44 lao động/hộ).

Phần lớn hộ nông dân tiếp cận thông tin về lúa giống TBR225 qua kênh cán bộ khuyến nông xã, huyện (chiếm 40% tổng số hộ điều tra). Kênh thông tin thứ hai là từ nhân viên bán hàng của các đại lý và công ty với tỷ trọng 35% (Hình 1). Mặc dù, Thai Binh Seed thường xuyên đưa tin trên mạng xã hội và internet nhưng chỉ có 2% tổng số hộ điều tra tiếp cận thông tin về giống lúa TBR225 từ nguồn này. Nguyên nhân có thể do nông dân thường ít sử dụng internet để tìm kiếm thông tin; họ chủ yếu tiếp xúc trực tiếp, học hỏi những kinh nghiệm của người đi trước rồi làm theo. Do vậy, công ty cần nắm bắt được đặc điểm của nông dân để có hình thức quảng bá sản phẩm phù hợp hơn.

3.2. Sự hài lòng của hộ nông dân về sản phẩm lúa giống TBR225

3.2.1. Mức độ hài lòng về chất lượng lúa giống TBR225

Kết quả khảo sát (Hình 2) cho thấy hầu hết nông hộ đã sử dụng giống TBR225 trong nhiều vụ tính từ năm 2019 đến thời điểm điều tra; trong đó số hộ điều tra sử dụng trên 4 vụ

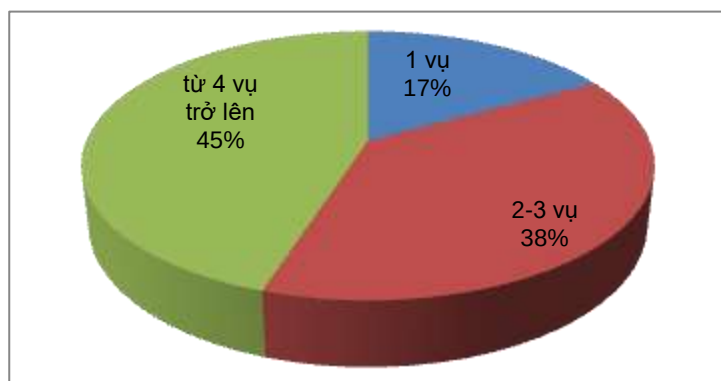
chiếm tỷ lệ cao nhất với 45%, chỉ có 17% tổng số hộ điều tra mới dùng cho vụ đầu tiên. Điều này thể hiện nông dân đã tin tưởng vào chất lượng lúa giống TBR225.

Nhìn chung, hộ nông dân đều hài lòng và rất hài lòng với các chỉ tiêu về chất lượng lúa giống TBR225 (Bảng 3). Độ sạch và tỷ lệ nảy mầm của lúa giống có điểm bình quân khoảng 4,1. Hạt đồng đều về kích cỡ được đánh giá ở mức 4,22 điểm. BR225 là giống dễ làm, với thời gian trồng khá ngắn nên rất phù hợp với điều kiện khí hậu ở miền Bắc, thời gian canh tác phù hợp, do vậy người dân đánh giá với mức điểm 4,0. Ưu điểm khác của giống TBR 225 là khả năng chống đổ, chống chịu hạn và chịu rét tốt, kháng được một số loại sâu bệnh như sâu đục thân, rầy nâu. Tuy nhiên, hiện nay giống TBR225 chỉ chống được một số bệnh và côn trùng. Trong thời kỳ đẻ nhánh, giống lúa TBR225 có tình trạng xuất hiện bọ trĩ, dòi đục nõn nhưng chỉ ở mức độ nhẹ. Đến thời kỳ làm đồng trở bông, lúa bắt đầu bị khô vằn nhưng không đáng kể. Do đó mà trong cả hai thời kỳ trưởng thành của giống lúa TBR225, hộ nông dân không cần phải dùng nhiều thuốc bảo vệ thực vật.

Trong bảng 3, nông hộ đánh giá cao nhất về khả năng kinh tế và chất lượng gạo mà giống lúa TBR225 đem lại. Cụ thể, chỉ tiêu về năng suất và độ dẻo, thơm của gạo giống TBR225 có điểm trung bình là 4,23-4,24. Năng suất bình quân của giống lúa TBR225 ở địa bàn nghiên cứu đạt 65,6 tạ/ha (Bảng 4), cao hơn so với giống lúa khác. Hơn nữa, việc tiêu thụ thóc thặng TBR225 cũng dễ dàng (4,19 điểm). Theo nhận xét của nông hộ, giống lúa TBR225 có chất lượng gạo tốt, hạt trong, cơm mềm, vị đậm, có mùi thơm đặc trưng, tỉ lệ xay xát cao (72-74%). Ngoài ra, do ít sử dụng thuốc bảo vệ thực vật nên gạo cũng đảm bảo an toàn cho người tiêu dùng. Vì vậy, lúa giống TBR225 được nông dân ưa chuộng, tỷ lệ diện tích gieo trồng sử dụng giống lúa TBR225 ở vụ gần đây nhất là 69,2% với quy mô bình quân 1.400 m²/hộ. Đánh giá của hộ nông dân không khác nhiều so với kết quả khảo nghiệm giống lúa TBR225 cách đây gần 10 năm. Theo Trần Mạnh Báo & cs. (2016), giống lúa TBR225 trung hòa cả hai chỉ tiêu rất quan

trọng là năng suất và chất lượng. Ở các tỉnh Đồng bằng sông Hồng, năng suất lúa vụ xuân và vụ mùa trong đợt khảo nghiệm lần lượt đạt 68-78 tạ/ha và 56,5-63,7 tạ/ha. Giống TBR225 cho hạt gạo đẹp, thon, dài, ít bạc bụng; cơm

thơm, ngon, mềm, dẻo. Với những ưu điểm nổi trội, giống TBR225 đã có sức lan tỏa nhanh và rộng; đến nay hầu hết các tỉnh, thành phố đều đưa giống lúa này vào gieo cấy với diện tích đạt hơn 100.000 ha/vụ.



Hình 2. Tỷ lệ hộ nông dân điều tra sử dụng giống TBR225 vào gieo cấy trong các vụ sản xuất từ năm 2019 đến thời điểm điều tra (2022)

Bảng 3. Đánh giá của hộ nông dân trên địa bàn Hà Nội về chất lượng giống TBR225 (2022)

Chỉ tiêu đánh giá	Tỷ lệ hộ ND đánh giá các mức độ (%)					Điểm TB	Mức độ đồng ý
	1	2	3	4	5		
Đặc điểm hạt giống							
Độ sạch của hạt giống đạt chuẩn (ít hạt lem, dị dạng, không mang mầm bệnh...)	0,0	0,7	4,0	80,3	15,0	4,10	Đồng ý
Tỷ lệ nảy mầm cao	0,0	0,0	4,7	79,0	16,3	4,12	Đồng ý
Hạt đồng đều về kích cỡ	0,0	0,0	0,0	77,7	22,3	4,22	Rất đồng ý
Hạt giống không bị côn trùng phá hoại	0,0	5,7	8,7	69,0	16,7	3,98	Đồng ý
Đặc điểm nông học							
Số hạt trên cây cao	0,0	0,0	0,0	88,3	11,7	4,12	Đồng ý
Sức chống chịu của cây lúa với môi trường sống tốt	0,0	21,0	5,3	70,0	3,7	3,56	Đồng ý
Thời gian từ lúc gieo cấy đến khi thu hoạch phù hợp	0,0	2,7	7,3	77,3	12,7	4,00	Đồng ý
Lúa đẻ nhánh khỏe	0,0	2,7	4,7	72,7	20,0	4,10	Đồng ý
Đặc điểm sau thu hoạch							
Đạt năng suất cao	0,0	0,0	5,7	65,0	29,3	4,24	Rất đồng ý
Gạo giống lúa TBR225 cho cơm dẻo, thơm	0,0	0,0	3,7	70,0	26,3	4,23	Rất đồng ý
Thóc thặt TBR225 dễ bán	0,0	1,0	5,3	66,7	26,7	4,19	Đồng ý

Chú thích: 1: Rất không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Trung lập (phân vân); 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý.

Bảng 4. Diện tích và năng suất lúa TBR225 của các hộ điều tra (2022)

Huyện	Diện tích sử dụng giống lúa TBR225 (m ² /hộ)	Tỷ lệ DT lúa sử dụng giống TBR225 (%)	Năng suất TB (tấn/ha)
Ba Vì	1.624 (652)	69,7	64,8
Đông Anh	1.346 (546)	70,2	70,6
Thanh Oai	1.231 (1132)	67,7	68,3
Tính chung	1.400 (831)	69,2	65,6

Kết quả này khá tương đồng với nghiên cứu của Siliphouthone & cs. (2012) ở Lào. Trong nghiên cứu của họ, nông dân đều hài lòng và rất hài lòng với hầu hết chỉ tiêu chất lượng của những giống lúa cải tiến được gieo cấy nhiều nhất trên đồng ruộng như: kích cỡ và hình dáng hạt (4,09/5 điểm), mức nảy mầm (4,40 điểm), khả năng đẻ nhánh (4,19 điểm), kháng bệnh (3,59 điểm), trọng lượng hạt gạo (4,17 điểm), năng suất (4,23 điểm), độ mềm của cơm (4,42 điểm),...; chỉ có độ thơm được đánh giá ở mức trung bình (3,36 điểm). Trong khi đó, khám phá sự hài lòng của nông hộ với chính sách trợ cấp giống cây trồng cải tiến ở Trung Quốc, Zhuang (2015) cho thấy hộ đánh giá các chỉ tiêu liên quan đến chất lượng giống lúa mì được trợ cấp chỉ ở mức thấp và trung bình; cụ thể, sức chống chịu: 2,46/5 điểm, năng suất: 3,25 điểm, giá bán giống: 2,8 điểm. Sở dĩ có sự khác nhau về mức độ hài lòng của nông hộ về chất lượng lúa giống trong các nghiên cứu có thể do yếu tố địa dư, loại giống và mức hỗ trợ giống.

3.2.2. Mức độ hài lòng về bao gói lúa giống TBR225

Lúa giống nhạy cảm với các yếu tố môi trường như độ ẩm, ánh sáng, nhiệt độ. Do vậy, công ty rất quan tâm đến việc đóng gói và sử dụng loại bao bì có chất lượng tốt để đảm bảo giống lúa không bị hư hỏng. Các tiêu chuẩn chính về bao bì lúa giống của công ty như sau: (1) Khả năng chống ẩm rất tốt, đảm bảo cho hạt giống không bị ẩm, không gây kích thích nảy mầm, hư hại hạt giống; (2) Bền cơ lý, chịu lực va đập tốt trong quá trình đóng gói và vận chuyển; (3) Vật liệu bao bì làm từ nhựa nguyên sinh, có lớp túi PE dày để tăng cường tính chống ẩm; (4) Thông tin trên bao bì rõ ràng, bao gồm thời gian giống lúa được xác nhận, các chỉ tiêu lý hóa của hạt giống lúa, hướng dẫn sử dụng; (5) Trên bao bì có dán tem truy xuất nguồn gốc và tem chống hàng giả; (6) Hình ảnh, thiết kế bao bì thể hiện được chất lượng lúa giống một cách trực quan sinh động, chân thực và gây ấn tượng với khách hàng.

Các hộ nông dân đều đánh giá cao những chỉ tiêu liên quan tới 4 yêu cầu cơ bản của bao gói với mức điểm từ 3,88-4,22, khoảng 83-93% tổng số hộ nông dân điều tra lựa chọn mức đồng ý và rất đồng ý. Trong bảng 5, chỉ có “Bao gói có

thể tái sử dụng hoặc dễ phân hủy” ở mức điểm 3,01. Vì vậy, để nâng cao sự hài lòng của hộ nông dân, công ty nên tiếp tục tìm hiểu cải tiến bao gói, không những đảm bảo chức năng bảo vệ lúa giống và xúc tiến của bao gói, mà còn hướng tới góp phần bảo vệ môi trường.

3.2.3. Mức độ hài lòng về dịch vụ chăm sóc khách hàng

Kết quả điều tra (Bảng 6) cho thấy hộ nông dân hài lòng với dịch vụ tư vấn kỹ thuật của công ty (4,06 điểm). Sở dĩ có được điều này là do hàng năm Thai Binh Seed tổ chức nhiều lớp tập huấn để hướng dẫn nông dân. Trước khi bước vào quá trình trồng lúa, công ty giới thiệu cho bà con cách ủ lúa để lên mầm nhanh nhất, hướng dẫn quy trình trồng lúa từ khâu làm đất, gieo cấy, bón phân, quản lý nước đến phòng trừ sâu bệnh. Công ty đã cử nhân viên kỹ thuật xuống hướng dẫn trực tiếp thông qua các mô hình và hội nghị đầu bờ; đồng thời liên kết với tổ chức khuyến nông để tổ chức tập huấn, hướng dẫn cho nông dân. Ngoài ra, công ty cam kết chặt chẽ hơn với nông dân trong khâu xử lý; hình thành liên kết tự nguyện “5 cùng” trong sản xuất: cùng vùng, cùng giống, cùng thời vụ, cùng chăm sóc và cùng thu hoạch. Nông hộ cũng hài lòng với việc giải quyết khiếu nại của Thai Binh Seed (3,89 điểm). Họ có thể đổi trả nếu có vấn đề gì về sản phẩm. Hơn nữa, công ty cũng trả lại chi phí nếu lúa giống bị hư hỏng. Trong bảng 6, chỉ tiêu “công ty có nhiều chương trình khuyến mại” được đánh giá thấp nhất với điểm bình quân là 3,12. Các hộ mong muốn công ty có nhiều chính sách khuyến mại hơn để kích thích họ sử dụng lúa giống TBR225. Kết quả trên cao hơn so với nghiên cứu của Zhuang (2015) khi đánh giá sự hài lòng của nông hộ sử dụng giống lúa mì trợ cấp trong chương trình trợ cấp giống cải tiến ở Trung Quốc. Theo số liệu điều tra của Zhuang, nông dân không hài lòng với tiêu chí “dịch vụ kỹ thuật nông nghiệp”; các chỉ tiêu đo lường chỉ đạt mức điểm 2,20-2,59 điểm: tần suất liên lạc (2,2/5 điểm), thái độ dịch vụ (2,59 điểm), nội dung phổ biến (2,5 điểm). Điều này cho thấy nông hộ ở Hà Nội đánh giá tốt về dịch vụ chăm sóc khách hàng của Thai Binh Seed.

Bảng 5. Đánh giá của hộ nông dân trên địa bàn Hà Nội về bao gói lúa giống TBR225 (2022)

Chỉ tiêu đánh giá	Tỷ lệ hộ đánh giá các mức độ (%)					Điểm TB	Mức độ
	1	2	3	4	5		
	0,0	6,7	11,3	69,3	12,7	3,88	Đồng ý
Bao bì có đầy đủ thông tin cơ bản về giống lúa, nhà sản xuất và hạn sử dụng	0,0	0,0	4,3	69,7	26,0	4,22	Rất đồng ý
Trên bao bì có hướng dẫn sử dụng rõ ràng	0,0	2,0	5,0	76,7	16,3	4,07	Đồng ý
Đóng gói cẩn thận, kỹ càng	0,0	3,7	5,7	69,3	21,3	4,08	Đồng ý
Bao bì đẹp, bắt mắt	0,0	2,3	4,3	73,7	19,7	4,11	Đồng ý
Bao gói đảm bảo tính thuận tiện cho người sử dụng	0,0	3,0	12,0	71,3	14,3	3,96	Đồng ý
Kích cỡ bao gói phù hợp (lượng thóc giống đóng trong 1 bao gói phù hợp)	0,0	2,7	6,3	75,0	15,0	4,03	Đồng ý
Bao gói có thể tái sử dụng hoặc dễ phân hủy	0,0	41,3	17,7	39,0	1,7	3,01	Trung lập

Chú thích: 1: Rất không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Trung lập (phân vân); 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý.

Bảng 6. Đánh giá của hộ nông dân trên địa bàn Hà Nội về dịch vụ chăm sóc khách hàng đối với lúa giống TBR225 (2022)

Chỉ tiêu đánh giá	Tỷ lệ hộ ND đánh giá các mức độ (%)					Điểm TB	Mức độ
	1	2	3	4	5		
Dịch vụ tư vấn kỹ thuật chu đáo	0,0	3,0	6,7	71,3	18,7	4,06	Đồng ý
Có nhiều chương trình khuyến mại	0,0	38,3	13,3	46,0	2,3	3,12	Trung lập
Giải quyết khiếu nại kịp thời	0,0	4,7	9,7	77,3	8,3	3,89	Đồng ý
Công ty luôn thực hiện hoàn trả lại phí nếu lúa giống bị hư hỏng	0,0	3,0	8,3	80,0	8,7	3,94	Đồng ý

Chú thích: 1: Rất không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Trung lập (phân vân); 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý.

3.2.5. Mức độ hài lòng về giá bán lúa giống TBR225

Theo phương thức liên kết, công ty cung ứng lúa giống trả chậm để nông dân sản xuất theo quy trình; cuối vụ công ty thu mua, giá thu mua theo giá thị trường trước thời điểm thu mua 2 ngày. Nếu mua lúa tươi, giá thu mua bằng giá thị trường; nếu mua lúa khô, công ty thu mua theo giá thị trường cộng thêm 100 đồng/kg nhân hệ số 1,3 lần. Toàn bộ lúa thương phẩm của mô hình sản xuất được ThaiBinh Seed ký hợp đồng thu mua với giá cao gấp 1,3 lần so với giá lúa thương phẩm của địa phương.

Ngoài giống chủ lực TBR225, một số hộ nông dân điều tra còn sử dụng giống lúa khác với quy mô nhỏ hơn như Bắc thơm 7, Thiên ưu 8, Khang dân 18, Đài thơm 8 và BC15. Trong đó, số nông hộ gieo cấy giống Bắc Thơm là cao nhất (62 hộ), tiếp theo là Thiên Ưu 8 (20 hộ). So sánh giá lúa giống TBR225 với hai loại lúa giống này (Bảng 7)

thì giá bán của TBR225 cao hơn, tuy nhiên mức chênh lệch không quá lớn. Những năm qua do dịch bệnh và giá nguyên vật liệu tăng nên giá bán của các giống lúa cũng tăng nhẹ.

Mặc dù giá lúa giống TBR225 có cao hơn nhưng do chất lượng giống cũng như những ưu thế khác (dịch vụ chăm sóc khách hàng của công ty, khả năng tiêu thụ thóc thặt,...) nên vẫn được đánh giá là phù hợp với thu nhập của nông hộ. Điều này thể hiện qua bảng 8, gần 90% tổng số hộ điều tra đồng ý và rất đồng ý với nhận định “Giá lúa giống TBR225 phù hợp với thu nhập” (đạt 4,01 điểm). Giá lúa hợp lý cũng có mức điểm 3,8, ngụ ý hộ nông dân hài lòng về mức giá lúa giống TBR225. So với kết quả của Phạm Thị Trà Giang (2019), khách hàng đánh giá về giá hạt giống của công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tĩnh ở mức thấp hơn so với nghiên cứu này. Cụ thể, giá phù hợp với thu nhập chỉ đạt 3,16/5 điểm, giá hợp lý có mức điểm là 3,1.

Bảng 7. Giá bán một số giống lúa mà các hộ nông dân trên địa bàn Hà Nội đang sử dụng (đồng/kg) (2022)

Năm	Giá bán lúa giống TBR225 (A)	Giá bán lúa giống Bắc thơm 7 (B)	Giá bán lúa giống Thiên ưu 8 (C)	So sánh	
				A-B	A-C
2019	35.000	21.000	32.000	14.000	3.000
2020	36.000	23.000	34.000	13.000	2.000
2021	38.000	23.000	35.000	15.000	3.000

Bảng 8. Đánh giá của hộ nông dân trên địa bàn Hà Nội về giá bán lúa giống TBR225 (2002)

Chỉ tiêu đánh giá	Tỷ lệ hộ ND đánh giá các mức độ (%)					Điểm TB	Mức độ
	1	2	3	4	5		
Giá lúa giống phù hợp với thu nhập của ông bà	0,0	3,0	7,3	75,7	14,0	4,01	Đồng ý
Giá cả không biến động nhiều trong từng mùa vụ	0,0	43,3	27,3	27,0	2,3	2,88	Trung lập
Giá bán hợp lý so với giống lúa khác	0,0	6,3	12,0	76,7	4,7	3,80	Đồng ý
Công ty có nhiều chương trình giảm giá	0,0	57,0	16,7	22,7	3,7	2,73	Trung lập

Chú thích: 1: Rất không đồng ý; 2: Không đồng ý; 3: Trung lập (phân vân); 4: Đồng ý; 5: Rất đồng ý.

Tuy nhiên, nông hộ ở Hà Nội đánh giá chỉ tiêu “Giá cả không biến động nhiều trong từng mùa vụ” chỉ ở mức 2,88 điểm. Họ cho rằng giá lúa giống TBR225 chưa ổn định, chẳng hạn như năm 2020, một số hộ đã mua giống lúa này với giá 90.000 đ/kg, giá cao nhưng nhiều hộ còn không mua được giống để sản xuất. Tình trạng trên là do ảnh hưởng của lũ lụt ở miền Trung, công ty sản xuất không đủ để cung cấp ra thị trường. Ngoài ra, do dịch bệnh Covid, giá nguyên vật liệu tăng cao nên giá giống lúa tăng hơn. Công ty đang điều chỉnh và giữ ổn định giá lúa giống cho người dân yên tâm sử dụng. Tương tự, chỉ tiêu “công ty có nhiều chương trình giảm giá” có điểm đánh giá chưa cao (2,73 điểm). Như vậy, công ty cần chú ý hoàn thiện chính sách giá cả, nên có các chương trình khuyến mãi giảm giá để kích thích nông dân sử dụng.

3.2.5. Mức hài lòng chung

Trả lời câu hỏi “Ông bà có hài lòng về giống lúa TBR225 không”, hầu hết các hộ trả lời là đồng ý (177 hộ, tương ứng với 59% tổng số hộ điều tra) và rất đồng ý (112 hộ); chỉ có 11 hộ (3,7%) trả lời ở mức trung lập, với điểm trung bình là 4,34. Như vậy, các hộ nông dân trên địa

bàn Hà Nội đã rất hài lòng về lúa giống TBR225 của Thai Binh Seed. Ngày càng có nhiều hộ nông dân tin tưởng và sử dụng lúa giống TBR225 cho sản xuất.

So sánh giữa các nhóm hộ (Bảng 9) cho thấy mặc dù những hộ điều tra đều rất hài lòng về lúa giống TBR225 nhưng vẫn có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$) về mức điểm bình quân. Cụ thể, mức độ hài lòng của nhóm hộ có tỷ lệ diện tích lúa sử dụng giống TBR225 trên 2/3 cao hơn nhóm còn lại. Nhóm hộ ở Thanh Oai có điểm hài lòng bình quân là 4,7 (Rất hài lòng), trong khi đó các hộ ở Đông Anh và Ba Vì tương ứng ở mức điểm 4,14 và 4,17 (Hài lòng). Kiểm định cho thấy sự khác biệt về mức độ hài lòng giữa các nông hộ ở Thanh Oai và Đông Anh, Thanh Oai và Ba Vì có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$). Điều này có thể giải thích bởi các hộ ở Thanh Oai đã quen sử dụng lúa giống TBR225 qua nhiều vụ, mặt khác hợp tác xã trên địa bàn huyện thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa nông hộ và doanh nghiệp để bao tiêu, thu mua lại thóc thương phẩm cho nông dân. Kết quả cũng cho thấy Thai Binh Seed cần quan tâm gia tăng hơn nữa sự hài lòng của các nông hộ ở Đông Anh và Ba Vì đối với lúa giống TBR225.

Bảng 9. Kết quả kiểm định sự khác biệt về mức hài lòng chung giữa các nhóm hộ theo tỷ lệ diện tích sử dụng giống TBR và khu vực địa lý (2022)

Chi tiêu	Điểm BQ	Độ lệch chuẩn	P
Theo tỷ lệ diện tích đất lúa sử dụng giống TBR225			
Từ 2/3 diện tích trở xuống	4,24	0,57	0,016
Trên 2/3 diện tích	4,40	0,52	
Theo khu vực địa lý*			
Đông Anh	4,14	0,35	0,000
Thanh Oai	4,70	0,59	
Đông Anh	4,14	0,35	0,941
Ba Vì	4,17	0,47	
Thanh Oai	4,70	0,59	0,000
Ba Vì	4,17	0,47	

Ghi chú: *: One-Way ANOVA Test. Levene statistic=12,17 ($P < 0,01$), Welch statistic = 34,92 ($P < 0,01$).

Bảng 10. Kết quả kiểm định sự khác biệt về mức hài lòng giữa các nhóm hộ theo số vụ sử dụng lúa giống TBR225 (2022)

Số vụ sử dụng giống TBR225	n	Điểm BQ	Độ lệch chuẩn	P
Lần đầu	50	4,42	0,81	0,992
Từ 2 đến 3 vụ	115	4,45	0,52	
Lần đầu	50	4,42	0,81	0,225
Trên 3 vụ	135	4,21	0,41	
Từ 2 đến 3 vụ	115	4,45	0,52	0,000
Trên 3 vụ	135	4,21	0,41	

Ghi chú: Levene statistic = 58,25 ($P < 0,01$), Welch statistic = 8,97 ($P < 0,01$).

Các hộ dù mới hay đã sử dụng lúa giống TBR225 trong nhiều vụ đều rất hài lòng (Bảng 10). Điều đó ngụ ý lúa giống TBR225 đã bước đầu tạo được niềm tin với nông hộ, đây là cơ sở để Thai Binh Seed mở rộng thị trường. Không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về mức điểm hài lòng bình quân giữa các hộ sử dụng lần đầu (4,42 điểm) với nhóm hộ sử dụng 2-3 vụ (4,45 điểm), cũng như với nhóm hộ sử dụng trên 3 vụ (4,21 điểm) tính từ năm 2019 đến thời điểm điều tra. Tuy nhiên, nhóm hộ sử dụng giống TBR225 từ 2-3 vụ có mức điểm hài lòng cao hơn nhóm hộ dùng trên 3 vụ và sự khác biệt này có ý nghĩa thống kê ($P < 0,05$).

Phân tích trên cho thấy các nông hộ trên địa bàn Hà Nội đánh giá rất cao lúa giống TBR225 của Thai Binh Seed, đây là tiền đề để nông hộ trên những địa bàn khác với điều kiện sản xuất tương tự có niềm tin đưa giống TBR225 vào gieo cấy.

4. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

4.1. Kết luận

Nguồn thông tin chính tiếp cận về lúa giống TBR225 của các nông hộ là từ cán bộ khuyến nông xã và huyện. Một tỷ lệ rất nhỏ nông hộ tiếp cận thông tin về giống TBR225 trên mạng xã hội và internet. Tính từ năm 2019 tới thời điểm điều tra, hơn 83% số hộ điều tra đã sử dụng giống TBR225 để gieo cấy từ 2 vụ trở lên. Tỷ lệ hộ sử dụng 2/3 diện tích lúa để gieo cấy giống TBR225 ở vụ gần đây nhất là 62,3%.

Nghiên cứu cho thấy sự hài lòng của hộ nông dân trên địa bàn thành phố Hà Nội đối với lúa giống TBR225 ở mức rất cao. Nhiều yếu tố tạo nên sự hài lòng chung của nông hộ được đánh giá ở mức hài lòng đến rất hài lòng; đặc biệt là các chỉ tiêu về chất lượng lúa giống như độ đồng đều, mức năng suất và độ dẻo, thơm của

gạo. Điều này ngụ ý TBR225 là một giống lúa tốt, có khả năng nhân rộng trên địa bàn Hà Nội cũng như các tỉnh thành khác có điều kiện tương tự. Một số vấn đề công ty cần cải thiện để nâng cao sự hài lòng của nông hộ liên quan đến tính dễ phân hủy hay tái sử dụng của bao gói, chương trình khuyến mại và giảm giá, tính ổn định của giá.

Có sự khác nhau về mức điểm hài lòng chung bình quân ($P < 0,05$) giữa nhóm hộ ở Thanh Oai với nhóm hộ ở Đông Anh và Ba Vì, giữa nhóm hộ có tỷ lệ diện tích lúa sử dụng giống TBR225 nhiều và ít, giữa nhóm sử dụng giống TBR225 2-3 vụ và trên 3 vụ. Theo đó, nhóm nông hộ ở Thanh Oai, sử dụng nhiều diện tích lúa gieo cấy giống TBR225, hay sử dụng giống TBR225 từ 2-3 vụ có điểm hài lòng bình quân cao hơn các nhóm đối chứng còn lại.

4.2. Kiến nghị

Công ty nên tăng cường quảng bá lúa giống thông qua tập huấn chuyển giao khoa học kỹ thuật, hội thảo đầu bờ, đài phát thanh truyền hình địa phương, báo Nông nghiệp Việt Nam và báo địa phương. Đồng thời, phối hợp với Sở NN&PTNT và các trung tâm khuyến nông thường xuyên tổ chức các buổi tập huấn hướng dẫn quy trình sản xuất cho nông hộ, xây dựng những mô hình trồng thử nghiệm để bà con biết đến nhiều hơn và tin tưởng, an tâm sử dụng lúa giống TBR225.

Đề ra một khung giá hợp lý và ổn định để tăng tính cạnh tranh cũng như sự hài lòng của khách hàng. Công ty nên có một số giải pháp nhằm điều chỉnh giá cho phù hợp với mong muốn của nông hộ hơn như: thực hiện chính sách ưu đãi, chiết khấu đối với đại lý phân phối hay cửa hàng kinh doanh để cân đối giá khi các trung gian phân phối bán với giá không chênh lệch nhiều so với giá bán chung của thị trường; Tăng cường thêm các chương trình khuyến mại, giảm giá nhằm kích thích nông hộ sử dụng lúa giống TBR225 nhiều hơn.

Để góp phần vào mục tiêu tăng trưởng xanh của đất nước, công ty nên chú ý hoàn thiện bao gói; lựa chọn chất liệu phù hợp nhằm đảm bảo chức năng bảo quản lúa giống và xúc tiến nhưng hạn chế tác động tiêu cực tới môi trường.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Cochran W.G. (1977). Sampling technique (3rd ed.). New York: John Wiley & Sons.
- Cronin Jr. & Taylor S. (1992). Measuring Service Quality: A Re-examination and Extension. The Journal of Marketing. 56: 55-68.
- Hanzaee K.H. & Nasimi M.A. (2012). Path Analysis of perceived service quality, satisfaction and loyalty in the banking industry of Iran. Research journal of applied sciences, engineering and technology. 4(10): 1351-1358.
- HotroSPSS (2015). Ý nghĩa giá trị trung bình trong thang đo khoảng. Truy cập từ <https://phantichspss.com/y-nghia-gia-tri-trung-binh-trong-thang-do-khoang.html> ngày 6/02/2023.
- Kano N., Seraku N., Takahashi F. & Tsuji S. (1984). Attractive Quality and Must-Be Quality. Journal of the Japanese Society for Quality Control. 14 (2): 147-156.
- Lê Quang Hiếu (2021). Nghiên cứu sự hài lòng của khách hàng đối với sản phẩm dinh dưỡng cây trồng Tiên Nông chuyên dùng cho cây mía. Tạp chí Công Thương. 27.
- Parasuraman A., Zeithaml V.A. & Berry L.L. (1988). SERVQUAL: A Multiple-Item Scale for Measuring Consumer Perceptions of Service Quality. Journal of Retailing. 64(1): 22-37.
- Phạm Thị Trà Giang (2019). Đánh giá sự hài lòng của khách hàng đối với dịch vụ cung cấp sản phẩm giống của Công ty Cổ phần Giống cây trồng Hà Tĩnh. Khóa luận tốt nghiệp. Trường Đại học Kinh tế - Đại học Huế.
- Seth A., Momaya K. & Gupta H.M. (2008). Managing the customer perceived service quality for Cellular mobile Telephony: An Empirical investigation. VIKALPA. 3(1): 19-34.
- Siliphouthone I., Hanboonsong Y. & Taweekul K. (2012). Assessment of Farmer's Satisfaction and Preference Using Improved Rice Varieties in the Southern Lao PDR. International Journal of Environmental and Rural Development. pp. 3-1.
- ThaiBinh Seed - Chi nhánh Hà Nội (2021). Báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ năm 2019. Kế hoạch thực hiện nhiệm vụ năm 2022.
- ThaiBinh Seed (2021). Giới thiệu về công ty và quá trình phát triển. Truy cập từ <https://thaibinhseed.com.vn/vi-vn/san-pham/giong-lua/giong-lua-tbr225.aspx> ngày 30/03/2023
- Trần Mạnh Báo, Trần Thị Hợp, Trần Thị Tiệc, Nguyễn Thị Nhung & Nguyễn Văn Hoan (2016). Kết quả chọn tạo giống lúa TBR225. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 14(9): 1360-1367.
- Zhuang D. (2015). Research on Farmers' Satisfaction Evaluation for Crop Variety Subsidy Policy. The Open Cybernetics & Systemics Journal. 9: 894-898.